CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
DN: C=VN, S=Thành phố Hải Phòng, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0801210129
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.07.29 14:51:56+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2026
của
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Mục lục	1 - 1
Báo cáo tình hình tài chính riêng	2 - 3
Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng	4 - 4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	5 - 6
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	7 - 28

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**23.936.627.835**	**24.340.618.278**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**01**	**6.689.307.161**	**7.486.868.008**
1. Tiền	111		3.689.307.161	7.486.868.008
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**16.988.221.985**	**16.516.609.835**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		12.641.399.304	18.367.954.980
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		165.240.000	16.148.400
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	02	35.126.749.409	30.707.448.183
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(30.945.166.728)	(32.574.941.728)
III. Hàng tồn kho	**140**		**33.571.096**	**18.295.036**
1. Hàng tồn kho	141	03	33.571.096	18.295.036
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**225.527.593**	**318.845.399**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		225.527.593	318.845.399
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.847.685.537.424**	**2.803.522.427.089**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**680.029.975**	**680.029.975**
1. Phải thu dài hạn khác	215		680.029.975	680.029.975
II. Tài sản cố định	**220**		**2.646.869.374**	**3.010.025.755**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	05	51.161.922	231.727.467
- Nguyên giá	*222*		*3.526.953.456*	*3.650.640.456*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(3.475.791.534)*	*(3.418.912.989)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	06	2.595.707.452	2.778.298.288
- Nguyên giá	*228*		*4.221.251.551*	*4.221.251.551*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.625.544.099)*	*(1.442.953.263)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**	**07**	**2.843.448.957.676**	**2.799.179.302.446**
1. Đầu tư vào công ty con	261		2.843.448.957.676	2.799.179.302.446
IV. Tài sản dài hạn khác	**270**		**909.680.399**	**653.068.913**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		909.680.399	653.068.913
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**2.871.622.165.259**	**2.827.863.045.367**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**408.801.393.495**	**355.214.804.529**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**18.894.874.106**	**19.142.283.976**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		22.279.618	11.206.826
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.300.000.000	6.500.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		132.138.352	307.427.266
4. Phải trả người lao động	315		1.036.047.194	1.083.934.306
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	873.130.576
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		35.000.000	14.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	04	369.408.942	352.585.002
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	08	10.000.000.000	10.000.000.000
II. Nợ dài hạn	**330**		**389.906.519.389**	**336.072.520.553**
1. Phải trả dài hạn khác	338		46.260.164.389	37.072.520.553
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	09	343.646.355.000	299.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**10**	**2.462.820.771.764**	**2.472.648.240.838**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.438.842.680.000*	*2.438.842.680.000*
2. Thặng dư vốn	412		28.504.818.180	28.504.818.180
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(4.526.726.416)	5.300.742.658
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*5.300.742.658*	*(46.161.727.349)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		*(9.827.469.074)*	*51.462.470.007*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.871.622.165.259**	**2.827.863.045.367**

Phê duyệt, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Hoa Tùng	Trần Hoa Tùng	Phạm Đỗ Huy Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Qúy 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	**01**		**5.831.500.000**	**8.473.828.599**	**11.363.662.999**	**16.081.431.724**
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**5.831.500.000**	**8.473.828.599**	**11.363.662.999**	**16.081.431.724**
3. Giá vốn hàng bán	11		2.112.291.153	2.743.035.544	4.213.807.780	4.719.123.181
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**3.719.208.847**	**5.730.793.055**	**7.149.855.219**	**11.362.308.543**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22		126.222.384	58.080.698.682	199.740.058	58.109.723.841
6. Chi phí tài chính	23		4.938.343.394	5.415.287.670	9.509.850.243	10.867.068.491
- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*4.929.330.929*	*5.415.287.670*	*9.500.837.778*	*10.867.068.491*
7. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.936.253.811	3.160.204.692	5.581.339.755	6.841.963.223
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(3.029.165.974)**	**55.235.999.375**	**(7.741.594.721)**	**51.763.000.670**
10. Thu nhập khác	31		20.498.274	-	21.673.288	32.274.897
11. Chi phí khác	32		804.402.889	845.357.163	2.107.547.641	2.094.103.189
12. Lợi nhuận khác	**40**		**(783.904.615)**	**(845.357.163)**	**(2.085.874.353)**	**(2.061.828.292)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(3.813.070.589)**	**54.390.642.212**	**(9.827.469.074)**	**49.701.172.378**
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**(3.813.070.589)**	**54.390.642.212**	**(9.827.469.074)**	**49.701.172.378**

Phê duyệt, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Hoa Tùng	Trần Hoa Tùng	Phạm Đỗ Huy Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Qúy 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026	Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		***(9.827.469.074)***	***52.701.172.378***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		363.156.381	413.018.799
- Các khoản dự phòng	03		(1.629.775.000)	(4.032.803.791)
- (Lãi)/lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền ngoại tệ	04		(23.090.114)	(506.163.202)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(136.741.293)	(57.536.816.020)
- Chi phí đi vay	06		9.500.837.778	10.867.068.491
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Dòng tiền từ HĐKD trước thay đổi VLĐ	08		***(1.753.081.322)***	***1.905.476.655***
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.158.162.850	2.846.171.236
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(15.276.060)	(7.979.343)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN phải trả)	11		(9.429.862.646)	(1.707.864.371)
- (Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12		(163.293.680)	184.975.366
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(318.385.002)	(231.867.338)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(10.521.735.860)***	***2.988.912.205***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Qúy 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026	Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2025
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		12.727.274	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(44.269.655.230)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		124.014.019	57.536.816.020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(44.132.913.937)***	***57.536.816.020***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		45.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(353.645.000)	(59.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***44.646.355.000***	***(59.500.000.000)***
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**50**		**(10.008.294.797)**	**1.025.728.225**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**7.486.868.008**	**1.328.551.419**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		23.090.114	69.863
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**(2.498.336.675)**	**2.354.349.507**

Phê duyệt, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Hoa Tùng	Trần Hoa Tùng	Phạm Đỗ Huy Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 do Sở Tài chính TP. Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 7 năm 2025.

Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Thông tin doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, tỉnh Hải Phòng, Việt Nam. Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 13 và 15, Tòa nhà PV Oil, 148 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 13 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 13 công ty con) với chi tiết như sau :

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
I – Nhóm các công ty sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty Nhựa An Phát Xanh")	50,23%	50,23%	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, Xã Nam Sách, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp					
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex") (*)	48,69%	96,92%	KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, P. Việt Hòa, TP. Hải Phòng	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (*)	49,06%	100,00%	KCN An Phát 1, Km 72, Quốc lộ 37, Xã An Phú, TP.Hải Phòng	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") (*)	50,21%	99,95%	KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng	Sản xuất. mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
5	Công ty An Phat International. Inc. ("Công ty APA") (*)	50,23%	100,00%	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-1 Houston, TP. Houton, bang Texas,	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác.
6	Công ty AFC EcoPlastics. LLC ("Công ty AFC") (*)	43,95%	87,50%	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-1 Houston, TP. Houton, bang Texas,	Kinh doanh hạt nhựa.
7	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (*)	34,46%	68,60%	Tổ 12, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
8	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (*)	34,46%	100,00%	KCN kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, P.Việt Hòa, TP.Hải Phòng	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
9	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM")	34,46%	100,00%	Thôn Hào, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
10	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (*)	34,43%	99,86%	KCN kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, P.Việt Hòa, TP.Hải Phòng	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.
11	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (*)	24,07%	60,17%	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và KCN Nam Đình Vũ, P. Hải An, P.Hải Phòng	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

12	Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics ("Công ty Ankor") (*)	12,28%	51,00%	216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc	Sản xuất hạt nhựa và sản phẩm nhựa tự hủy sinh học.
13	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên ("Công ty Lương Điền")(*)	49,06%	99,99%	KCN Lương Điền Ngọc Liên, Km 28 + 125, Quốc lộ 38, Xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng	Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

(*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4)
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung.

4. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- sản phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: Giá gốc sản phẩm, bán sản phẩm áp dụng phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm

7. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên báo cáo tình hình tài chính riêng.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Các chi phí khác.

10. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của báo cáo tình hình tài chính riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

14. Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ được trích lập theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các năm tài chính nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức.

17. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nếu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 6 tháng đầu năm 2026

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

1. Tiền và tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	28.396.560	128.396.560
Tiền gửi ngân hàng	3.660.910.601	7.358.471.448
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	-
Cộng	**6.689.307.161**	**7.486.868.008**

2. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	9.515.581.985	5.096.280.759
Ký cược ký quỹ	7.400.000	7.400.000
Phải thu ngắn hạn khác	25.603.767.424	25.603.767.424
Cộng	**35.126.749.409**	**30.707.448.183**

3. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	33.571.096	18.295.036
Cộng	**33.571.096**	**18.295.036**

4. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
KPCĐ	32.815.000	-
Lãi vay phải trả ngắn hạn	313.193.942	318.385.002
Phải trả phải nộp khác	23.400.000	34.200.000
Cộng	**369.408.942**	**352.585.002**

Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay phải trả dài hạn	46.260.164.389	37.072.520.553
Cộng	**46.260.164.389**	**37.072.520.553**

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	**118.500.000**	**1.794.420.000**	**1.737.720.456**	**3.650.640.456**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(123.687.000)	(123.687.000)
Số cuối kỳ	**118.500.000**	**1.794.420.000**	**1.614.033.456**	**3.526.953.456**
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	**118.500.000**	**1.684.230.759**	**1.616.182.230**	**3.418.912.989**
Khấu hao trong kỳ	-	110.189.241	70.376.304	180.565.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(123.687.000)	(123.687.000)
Số cuối kỳ	**118.500.000**	**1.794.420.000**	**1.562.871.534**	**3.475.791.534**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	**-**	**110.189.241**	**121.538.226**	**231.727.467**
Tại ngày cuối kỳ	**-**	**-**	**51.161.922**	**51.161.922**

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu kỳ	**2.593.217.753**	**1.628.033.798**	**4.221.251.551**
Số cuối kỳ	**2.593.217.753**	**1.628.033.798**	**4.221.251.551**
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu kỳ	**478.827.863**	**964.125.400**	**1.442.953.263**
Khấu hao trong kỳ	72.081.474	110.509.362	182.590.836
Số cuối kỳ	**550.909.337**	**1.074.634.762**	**1.625.544.099**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	**2.114.389.890**	**663.908.398**	**2.778.298.288**
Tại ngày cuối kỳ	**2.042.308.416**	**553.399.036**	**2.595.707.452**

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá gốc	Dự Phòng
Đầu tư vào công ty con	**2.843.448.957.676**	-	**2.799.179.302.446**	-
Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	2.843.348.957.676	-	2.799.079.302.446	-
Công ty CP VLXD công nghệ cao An Cường	100.000.000	-	100.000.000	-
Cộng	**2.843.448.957.676**	-	**2.799.179.302.446**	-

8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm khác	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
Cộng	**10.000.000.000**	-	-	-	**10.000.000.000**

9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm khác	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	299.000.000.000	45.000.000.000	(353.645.000)	-	343.646.355.000
Cộng	**299.000.000.000**	**45.000.000.000**	**(353.645.000)**	-	**343.646.355.000**

10. Vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	LN chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu kỳ	**2.438.842.680.000**	**28.504.818.180**	**(46.161.727.349)**	**2.421.185.770.831**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	51.462.470.007	51.462.470.007
Số cuối kỳ	**2.438.842.680.000**	**28.504.818.180**	**5.300.742.658**	**2.472.648.240.838**

Kỳ này	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	LN chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu kỳ	**2.438.842.680.000**	**28.504.818.180**	**5.300.742.658**	**2.472.648.240.838**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(9.827.469.074)	(9.827.469.074)
Số cuối kỳ	**2.438.842.680.000**	**28.504.818.180**	**(4.526.726.416)**	**2.462.820.771.764**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng

	Quý 2.2026	Quý 2.2025	Lũy kế 2026	Lũy kế 2025
Doanh thu bán sản phẩm	130.000.000	80.000.000	230.000.000	80.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.701.500.000	8.393.828.599	11.133.662.999	16.001.431.724
Cộng	**5.831.500.000**	**8.473.828.599**	**11.363.662.999**	**16.081.431.724**

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 2.2026	Quý 2.2025	Lũy kế 2026	Lũy kế 2025
Giá vốn bán sản phẩm	118.416.719	62.824.820	211.422.136	62.824.820
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.993.874.434	2.680.210.724	4.002.385.644	4.656.298.361
Cộng	**2.112.291.153**	**2.743.035.544**	**4.213.807.780**	**4.719.123.181**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

3. Doanh thu tài chính

	Quý 2.2026	Quý 2.2025	Lũy kế 2026	Lũy kế 2025
Lãi tiền gửi	102.523.345	440.280	103.014.019	597.820
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	608.925	37.877.000	52.635.925	66.744.619
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	23.090.114	506.163.202	23.090.114	506.163.202
Cổ tức được chia	-	57.536.218.200	21.000.000	57.536.218.200
Cộng	**126.222.384**	**58.080.698.682**	**199.740.058**	**58.109.723.841**

4. Chi phí tài chính

	Quý 2.2026	Quý 2.2025	Lũy kế 2026	Lũy kế 2025
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	4.929.330.929	5.415.287.670	9.500.837.778	10.867.068.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.012.465	-	9.012.465	-
Cộng	**4.938.343.394**	**5.415.287.670**	**9.509.850.243**	**10.867.068.491**

VI. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty tại ngày 30/06/2026 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1.	Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	Công ty con trực tiếp
2.	Công ty CP KCN kỹ thuật cao An Phát	Công ty con gián tiếp
3.	Công ty CP KCN kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty con gián tiếp
4.	Công ty CP Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty con gián tiếp
5.	An Phat International INC	Công ty con gián tiếp
6.	AFC EcoPlastics LLC	Công ty con gián tiếp
7.	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Công ty con gián tiếp
8.	Công ty CP VLXD công nghệ cao An Cường	Công ty con gián tiếp
9.	Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con gián tiếp
10.	Công ty TNHH PT XNK và Đầu tư - VIEXIM	Công ty con gián tiếp
11.	Ankor Bioplastics Co.Ltd	Công ty con gián tiếp
12.	Công ty CP Khu CN Lương Điền Ngọc Liên	Công ty con gián tiếp
13.	Công ty CP Nhựa Bao Bì Vinh	Công ty liên kết của công ty con
15.	Công ty CP An Tiến Industries	Công ty liên kết của công ty con
16.	Công ty CP An Thành Biscol	Bên liên quan khác
17.	Công ty CP Liên vận An Tín	Bên liên quan khác
18.	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd	Bên liên quan khác
19.	Công ty CP DV Suất ăn CN An Phát	Bên liên quan khác
20.	Công ty CP Sản xuất PBAT An Phát	Bên liên quan khác
21.	Công ty CP SX Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Bên liên quan khác

VI. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	2.070.000.000	2.086.700.000
Công ty CP An Tiến Industries	750.000.000	750.000.000
Công ty CP An Thành Biscol	900.000.000	900.000.000
Công ty CP Liên vận An Tín	750.000.000	750.000.000
Công ty CP Nhựa Bao bì An Vinh	850.000.000	750.000.000
Công ty CP KCN Kỹ thuật cao An Phát	1.290.000.000	1.290.000.000
Công ty CP KCN Kỹ thuật cao An Phát 1	1.290.000.000	1.290.000.000
Công ty CP Nhựa Hà Nội	1.710.000.000	1.871.000.000
Công ty CP VLXD công nghệ cao An Cường	880.000.000	750.000.000
Công ty TNHH An Trung Industries	750.000.000	750.000.000
Công ty TNHH PT XNK và Đầu tư - VIEXIM	372.000.000	372.000.000
Cộng	**11.612.000.000**	**11.559.700.000**

Mua hàng hóa và dịch vụ	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	312.000.000	312.000.000
Công ty CP VLXD công nghệ cao An Cường	122.637.990	-
Công ty CP DV Suất ăn CN An Phát	12.380.000	31.421.000
Cộng	**447.017.990**	**343.421.000**

Cổ tức được chia	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	-	57.536.218.200
Công ty CP VLXD công nghệ cao An Cường	21.000.000	-
Cộng	**21.000.000**	**57.536.218.200**

Chi phí lãi vay	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty CP An Thành Biscol	37.260.274	-
Công ty CP KCN Kỹ thuật cao An Phát 1	8.896.273.973	10.554.657.534
Công ty CP Sản xuất PBAT An Phát	254.109.589	-
Cộng	**9.187.643.836**	**10.554.657.534**

Tiền đi vay	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty CP An Thành Biscol	20.000.000.000	-
Công ty CP Sản xuất PBAT An Phát	25.000.000.000	-
Cộng	**45.000.000.000**	-

Trả tiền vay	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty CP Sản xuất PBAT An Phát	353.645.000	-
Cộng	**353.645.000**	-

Phải thu ngắn hạn khách hàng	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Ankor Bioplastics Co.Ltd	12.641.399.304	13.471.174.304
Cộng	**12.641.399.304**	**13.471.174.304**

Phải thu khác ngắn hạn	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Ankor Bioplastics Co.Ltd	9.073.979.271	9.073.979.271
Cộng	**9.073.979.271**	**9.073.979.271**

Phải trả người bán ngắn hạn	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Công ty CP DV Suất ăn CN An Phát	5.300.640	3.070.440
Cộng	**5.300.640**	**3.070.440**

Đi vay dài hạn	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Công ty CP An Thành Biscol	20.000.000.000	-
Công ty CP KCN Kỹ thuật cao An Phát 1	299.000.000.000	299.000.000.000
Công ty CP Sản xuất PBAT An Phát	24.646.355.000	-
Cộng	**343.646.355.000**	**299.000.000.000**

Phải trả dài hạn	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Công ty CP An Thành Biscol	37.260.274	-
Công ty CP KCN Kỹ thuật cao An Phát 1	45.968.794.526	37.072.520.553
Công ty CP Sản xuất PBAT An Phát	254.109.589	-
Cộng	**46.260.164.389**	**37.072.520.553**

Phê duyệt, ngày ... tháng 07 năm 2026

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Trần Hoa Tùng	**Trần Hoa Tùng**	**Phạm Đỗ Huy Cường**